TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 174/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2023.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.

2. Ông Lò Việt Huấn.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 174/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc B , sinh ngày 16/11/1953

Địa chỉ: Xóm Tiểu khu - Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình, có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/6/1956.

Địa chỉ: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 01/8/2023, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông Phan Ngọc B và bà L là người cùng quê (Hưng yên) và đều công tác với nhau tại Lâm trường Chiềng Yên, huyện Mộc Châu trước đây (nay là huyện Vân Hồ) tỉnh Sơn La.

Năm 1976, do có tình cảm với nhau nên ông và bà L tự nguyện về ở với nhau như vợ chồng, Ông B và bà L không làm thủ tục đăng ký kết hôn với cấp có thẩm quyền.

Đến năm 1986 thì ông B không ở với bà L nữa, ông đi lấy người khác và hiện nay ông đang sinh sống tại: Xóm Tiểu khu, xã Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Quá trình ông và bà L về ở với nhau chưa gây dựng được tài sản gì chung với nhau.

Mục đích ông có đơn yêu cầu TAND huyện Mộc Châu giải quyết cho ông và bà L được ly hôn là do.

Nay ông B và bà L đã tuổi cao sức yếu, không biết sống, chết ngày nào, để tránh các con của ông với vợ hợp pháp hiện tại và con của ông với bà L có tranh chấp với nhau về phần tài sản sau khi ông B và bà L chết, vì vậy ông viết đơn này đề nghị TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giải quyết tuyên bố ông B và bà L không phải là vợ chồng và để giải quyết rõ ràng về tài sản riêng của bà L và của ông .

Về con chung quá trình chung ông B và bà L có với nhau ba người con chung là các cháu Phan Thị Hồng T, sinh ngày 01/6/1977, cháu Phan Thị Thanh T, sinh ngày 23/8/1980, cháu Ngọc Thị Phương T, sinh ngày 08/9/1982.

Đối với cháu Ngọc Thị Phương T, sinh ngày 08/9/1982 L do lấy họ Ngọc là do ông và bà L thống nhất lấy đệm (chữ Ngọc) của ông Phan Ngọc làm tên họ cho con theo phong tục ở quê.

Hiện nay, các cháu đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B khẳng định ông và bà L không có khối tài sản chung gì với nhau trong quá trình chung sống, toàn bộ tài sản của bà L làm ra có được từ năm 1986 từ thời điểm ông bỏ đi đều là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L (vì trước đó thời điểm còn chung sống với nhau, ông và bà L không có tài sản gì chung với nhau).

Ông B được xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610 cấp cho bà Nguyễn Thị L, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m2. Là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L, ông Phan Ngọc B không có quyền lợi liên quan và nghĩa vụ gì đến diện tích đất của bà Nguyễn Thị L.

Với L do nêu trên, ông Phan Ngọc B đơn đề nghị TAND huyện Mộc Châu giải quyết theo nội dung ông yêu cầu. Để đảm bảo quyền lợi của ông và bà L sau khi ông B và bà L chết, tránh việc các con tranh chấp với nhau về sau này.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Ông Phan Ngọc B xin chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Ý kiến trình bày của bị đơn như sau:

Bà Nguyễn Thị L nhất trí với lời khai của ông B về quá trình chung sống, về con chung, cũng như về tài sản riêng bà L không có ý kiến gì.

Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B để tránh tranh chấp tài sản của và với các con ông và ngược lại các con ông tranh chấp tài sản với bà.

Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ L vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ L vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 16; khoản 4 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử tuyên bố ông Phan Ngọc B và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng.

Về con chung:

Về con chung: Do các cháu Phan Thị Hồng Thúy, sinh ngày 01/6/1977. cháu Phan Thị Thanh thủy, sinh ngày 23/8/1980. Cháu Ngọc Thị Phương Thùy, sinh ngày 08/9/1982. Đều đã trưởng thành 18 tuổi, không cháu nào bị tật bẩm sinh nên không đề cập việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Về vay nợ chung: Không có.

- Về tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng, định đoạt 01 diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m2 và toàn bộ tài sản trên đất.

Ông Phan Ngọc B không có quyền lợi liên quan và nghĩa vụ gì đến diện tích đất và tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị L.

Về án phí: Ông Phan Ngọc được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trình tố tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà L đã không tuân thủ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và thực tế các bên đã không chung sống với nhau 37 năm. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật HN&GĐ năm 2014 xử tuyên bố ông Phan Ngọc và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng.

Mục đích ông xin ly hôn với bà L là do hiện ông và bà L đã tuổi cao sức yếu, không biết sống, chết ngày nào, để tránh các con của ông với vợ của ông hiện tại và con chung của ông với bà L có tranh chấp với nhau về phần tài sản sau khi ông và bà L chết, vì vậy ông viết đơn xin ly hôn đề nghị TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giải quyết cho ông và bà L được ly hôn và để giải quyết rõ ràng về tài sản riêng của bà L và của ông là có căn cứ và đây là yêu cầu của đương sự cần phải giải quyết.

[3] Về con chung có ba cháu là cháu Phan Thị Hồng Thúy, sinh ngày 01/6/1977, cháu Phan Thị Thanh thủy, sinh ngày 23/8/1980, cháu Ngọc Thị Phương Thùy, sinh ngày 08/9/1982.

Đối với cháu Ngọc Thị Phương T, sinh ngày 08/9/1982 L do lấy họ Ngọc là do ông và bà L thống nhất lấy đệm của ông Phan Ngọc làm tên họ cho con theo phong tục ở quê nên có họ là Ngọc Thị Phương T, là con của ông B và bà L.

Hiện nay, các cháu đều đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không đề cập việc nuôi dưỡng các cháu sau khi ly hôn, Nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Phan Ngọc B khẳng định quá trình ông và bà L chung sống với nhau, ông và bà L không có tài sản chung gì nên không đề cập việc giải quyết.

[5] Về tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L, quá trình giải quyết vụ kiện ông Phan Ngọc công nhận phần tài sản của bà Nguyễn Thị L gồm nhà, cùng tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị L gồm 01 diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp

cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L. Ông không có quyền lợi, nghĩa vụ gì đến tài sản của bà Nguyễn Thị L. Đây là nội dung chính mà các đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết để tránh tranh chấp về sau mà Tòa án cần phải giải quyết.

Do vậy, sau khi giải quyết xong về quan hệ hôn nhân của các bên, còn phần tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L gồm 01 diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sử dụng, định đoạt.

Ông Phan Ngọc B không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gì đến diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m^2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m^2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và tài bộ tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị L.

[6] Về nợ chung: Quá trình giải quyết ông và bà L đều xác nhận không có nợ chung nên không đề cập việc giải quyết.

[7] Việc ông Phan Ngọc B đi lấy người khác và hiện nay ông đang sinh sống tại: Xóm Tiểu khu, xã Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình. Bà Nguyễn Thị L không có yêu cầu cơ quan pháp luật xem xét giải quyết việc ông Nguyễn Ngọc về hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do ông Phan Ngọc B sinh năm 1953, đã trên 60 tuổi thuộc người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 9; Điều 16; khoản 4 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Căn cứ vào điểm Đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử tuyên bố ông Phan Ngọc B và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng.

Về con chung: Do các cháu Phan Thị Hồng T, sinh ngày 01/6/1977. cháu Phan Thị Thanh T, sinh ngày 23/8/1980. Cháu Ngọc Thị Phương T, sinh ngày 08/9/1982. Đều đã trưởng thành 18 tuổi, không cháu nào bị tật bẩm sinh nên không đề cập việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung: Không có.

3. Về vay nợ chung: Không có.

4. Về tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sử dụng, định đoạt 01 diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và tài bộ tài sản trên đất.

Ông Phan Ngọc B không có quyền lợi liên quan và nghĩa vụ gì đến diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m^2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m^2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và tài bộ tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị L.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí cho ông Phan Ngọc B .

Tuyên trả lại cho ông Phan Ngọc B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0003922, ngày 01/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;

- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu**;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mộc Châu, ngày 05 tháng 9 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Minh và ông Lò Việt Huấn.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi … giờ … phút ngày 05/9/2023, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: xin ly hôn giữa.

- Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc , sinh ngày 16/11/1953

Địa chỉ: Xóm Tiểu khu - Đồng Tân, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh ngày 14/6/1956.

Địa chỉ: Tiểu khu 68, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

1. Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà. HĐXX thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết, quyết định các nội dung cụ thể như sau:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 9; Điều 16; khoản 4 Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử tuyên bố ông Phan Ngọc và bà Nguyễn Thị L không phải là vợ chồng.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Về con chung: Do các cháu Phan Thị Hồng Thúy, sinh ngày 01/6/1977. cháu Phan Thị Thanh thủy, sinh ngày 23/8/1980. Cháu Ngọc Thị Phương Thùy, sinh ngày 08/9/1982. Đều đã trưởng thành 18 tuổi, không cháu nào bị tật bẩm sinh nên không đề cập việc cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

1. Về vay nợ chung: Không có.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

4. Về tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng, định đoạt 01 diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và tài bộ tài sản trên đất.

Ông Phan Ngọc không có quyền lợi liên quan và nghĩa vụ gì đến diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 212610, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02014/QSDĐ số 599/QĐ/UB ngày 24/10/2000 do UBND huyện Mộc Châu cấp cho bà Nguyễn Thị L, diện tích đất tại tiểu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (diện tích 1398m^2) tờ bản đồ số 55 thửa số 129 là 400m^2 đất thổ cư và thửa số 129b diện tích đất vườn là 998m^2 và tài bộ tài sản trên đất của bà Nguyễn Thị L.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

5. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí cho ông Phan Ngọc .

Tuyên trả lại cho ông Phan Ngọc số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0003922, ngày 01/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nghị án kết thúc vào hồi ..... giờ ..... phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

Biểu quyết 3/3 nhất trí.

Các hội thẩm **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

\

10 quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết thì nam và nữ sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/ 01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đủ điều kiện kết

hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm. Kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

không áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận là vợ chồng mà vẫn giải quyết cho hai bên ly hôn theo Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được quy định hướng dẫn tại Điều 8 Nghị quyết 02/2000/NQ/HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.